

TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐẠI HỌC THÔNG QUA CÁC NHIỆM VỤ HỌC TẬP DƯỚI GÓC NHÌN CỦA QUAN ĐIỂM ĐÁNH GIÁ XÁC THỰC

○ THS. NGUYỄN THÀNH NHÂN*

Dối mới giáo dục đại học (GDDH), trong đó đổi mới đánh giá chất lượng ĐT nói chung, đổi mới đánh giá kết quả học tập (ĐGKQHT) của sinh viên (SV) nói riêng sao cho thực chất hơn, gắn kết một cách chặt chẽ hơn giữa các yếu tố trong quá trình dạy học đại học (QTDHĐH) nhằm phản ánh chính xác trình độ, năng lực (NL) của sản phẩm ĐT,... là một yêu cầu không thể thiếu.

1. Vấn đề phát triển năng lực (PTNL) trong GDDH

Sự PTNL của SV được hiểu như là kết quả của quá trình ĐT ĐH, thể hiện trên 3 phương diện: 1) Bề rộng, chiều sâu của tri thức khoa học được tích lũy tương ứng với khả năng phân tích và tư duy phê phán, khả năng tổng hợp và tư duy sáng tạo; 2) Khả năng vận dụng tri thức và kỹ năng tương ứng trong việc xử lý tình huống, giải quyết các nhiệm vụ nhận thức, thực tiễn nghề nghiệp và quan hệ xã hội; 3) Sự trưởng thành về mặt thái độ, sự tự nhận thức, ý thức đạo đức và nhân cách xã hội - nghề nghiệp của cá nhân. Ở đây, vấn đề đặt ra là QTDHĐH với sự PTNL của SV có mối quan hệ với nhau như thế nào? Làm thế nào để thực hiện có hiệu quả mục tiêu PTNL trong quá trình ĐT (competency-based training)?

Để trả lời hai câu hỏi trên, cần xem xét QTDHĐH theo hướng tiếp cận trên các phương diện:

1) *Hoạt động*. QTDHĐH diễn ra thông qua sự phối hợp chặt chẽ các hoạt động như giảng dạy - học tập - nghiên cứu và ĐGKQHT (1) - trong đó, PTNL của SV là điểm «hội tụ chung» trong hoạt động giảng dạy và học tập; là mục tiêu quan trọng mà QTDHĐH hướng đến. Sự PTNL của SV được quan tâm không chỉ sau khi kết thúc môn học (MH) mà còn được đặt ra trong suốt quá trình tổ chức dạy học MH. Do vậy, để ghi nhận, điều chỉnh, tạo động lực và xác định mức độ NL của SV trong quá trình học tập, ĐGKQHT của SV không thể chỉ tồn tại với tư cách là một hoạt động riêng lẻ hoặc mang tính thời điểm trong QTDHĐH mà được tiến hành thường xuyên trong quá trình đó. Mối quan hệ giữa dạy học và sự PTNL của SV được xem xét ở đây là mối

quan hệ giữa hoạt động dạy học và mục tiêu cần đạt của hoạt động ấy.

2) *Chức năng*. QTDHĐH được tổ chức nhằm trang bị cho SV một cách có hệ thống những tri thức khoa học cơ bản và chuyên ngành; các kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ; thái độ đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất nhân cách cần thiết của người lao động trình độ cao... Vì thế, nội dung chương trình ĐT dù ở bất kỳ cấp độ nào (chuyên đề/học phần/tín chỉ/MH/chương trình học...), dưới bất cứ hình thức nào (tiết học lý thuyết trên lớp/thảo luận/bài tập thực hành/bài tập nghiên cứu/tiểu luận/khóa luận/thí nghiệm/thực tế/kiến tập/ thực tập...) đều được thiết kế trên cơ sở tích hợp kiến thức - kỹ năng - thái độ - hành vi ứng xử... trong mỗi đơn vị cơ sở (unit) của nội dung dạy học, có tính đến mối liên hệ với các đơn vị khác trong tổng thể MH thuộc chương trình học nhằm thể hiện một cách triệt để nhất chức năng PTNL và đánh giá theo chuẩn đầu ra (2). Trong trường hợp này, NL và sự PTNL của SV không trực tiếp thuộc về nội dung của chương trình ĐT mà là hệ quả vận hành của quá trình đó (theo quan hệ nhân - quả); đồng thời, SV không chỉ học được về nội dung tri thức khoa học mà còn được học cả về phương pháp nhận thức khoa học để có thể tự học và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng trong xã hội hiện đại.

3) *Quá trình*. Chất lượng của sản phẩm ĐT ở ĐH chỉ có thể đáp ứng mục tiêu đặt ra khi mà quá trình ĐT phải được đảm bảo về chất lượng từ đầu vào (input) cũng như đáp ứng được các yêu cầu về nguồn lực trong khâu tổ chức ĐT (process) đến sản phẩm đầu ra (output) được xã hội tín nhiệm và thị trường lao động chấp nhận. Dù có sử dụng cơ chế quản lý ĐT nào (học chế niên chế/học chế học phần/học chế tín chỉ...) thì mục tiêu của dạy học ĐH vẫn không thể coi nhẹ sự PTNL của SV. Vì vậy, trong bối cảnh đổi mới GDDH nhằm từng bước đảm bảo và nâng cao chất lượng ĐT, vấn đề tổ chức ĐT và đánh giá chất lượng ĐT nói chung,

* Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

ĐGKQHT nói riêng sẽ phải đổi mới theo định hướng PTNL của người học.

2. Vài nét về quan điểm đánh giá xác thực (Authentic Assessment - AA) trong dạy học ĐH

Từ những năm 90 của thế kỉ XX, người ta đã nhận thấy được sự hạn chế của mô hình đánh giá truyền thống (Traditional Assessment - TA) và bắt đầu tìm ra phương thức mới bổ sung để hoạt động đánh giá mang lại hiệu quả hơn. Do vậy, AA được đề xuất và áp dụng trong thực tiễn giáo dục ĐH (3) và sau này, được áp dụng sang cả các bậc giáo dục nghề nghiệp sau trung học và trở thành một xu hướng tương lai trong lĩnh vực đánh giá kết quả giáo dục (4).

Một cách khái quát nhất, có thể coi AA như là một «dạng thức» ĐGKQHT của SV, trong đó người học được yêu cầu thực hiện những nhiệm vụ học tập mang tính thực tế, trên cơ sở vận dụng một cách có ý nghĩa những kiến thức, kĩ năng thiết yếu (5). Nhìn chung, AA bao gồm hai yếu tố chính: 1) Những nhiệm vụ mà SV phải thực hiện; 2) Bản mô tả những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ ấy.

Qua tổng hợp các công trình nghiên cứu lí luận và thực tiễn có liên quan đến AA (6), cho thấy AA có một số đặc điểm sau: - Đòi hỏi người học thể hiện NL (trên cơ sở tổng hợp tri thức, kĩ năng cũng như những phẩm chất cần thiết khác của thái độ, tư duy và tình cảm) để kiến tạo sản phẩm thông qua giải quyết các tình huống, nhiệm vụ học tập (NVHT) có ý nghĩa, liên quan chặt chẽ đến các ứng dụng vào thực tế; - Xem xét, ĐGKQHT của SV thông qua việc thực hiện các công việc trong suốt quá trình và cả sản phẩm cần đạt khi kết thúc; - Tập trung vào đo lường khả năng tư duy và giải quyết vấn đề của SV, cho phép người học được thể hiện tư duy, tính chủ động, sáng tạo và NL cá nhân trong quá trình học tập. AA chính là mô hình đánh giá trong đó bao quát cả mức độ nhận thức nội dung học tập và cả quá trình người học vận dụng chúng vào việc giải quyết các NVHT thực tế; - Cho phép cung cấp các minh chứng trực tiếp và thực chất về kết quả đạt được của SV trong học tập, dựa vào đặc tính và khả năng của con người hơn là dựa vào tính toán máy móc các điểm số; - Gợi ý các chức năng đánh giá mới hơn đối với người dạy.

3. Vận dụng quan điểm AA vào việc đổi mới dạy học ĐH theo định hướng PTNL của SV

Trên cơ sở kế thừa điểm mạnh của các dạng thức ĐGKQHT truyền thống và kết hợp vận dụng hợp lí quan điểm đánh giá xác thực vào việc đổi

mới, nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy và học tập theo định hướng PTNL của người học, có thể xem xét tích hợp đổi mới đồng bộ giảng dạy, học tập và ĐGKQHT của SV qua các phương diện sau:

1) *Đổi mới xây dựng đề cương chi tiết MH theo hướng tiếp cận NL (competency-based syllabus design)*. Cấu trúc của một đề cương chi tiết MH bao gồm nhiều nội dung khác nhau, giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ về logic nội dung và hình thức đồng thời phản ánh đầy đủ thông tin cần thiết - như là bản thiết kế giảng dạy và học tập được GV và SV thống nhất thực hiện. Để bản thiết kế này cụ thể hóa được quan điểm đánh giá xác thực theo định hướng PTNL của SV, nhất thiết phải đảm bảo các nội dung cơ bản sau trong đề cương MH:

a) *Đổi mới cách xác định mục tiêu MH, trong đó thể hiện rõ mục tiêu về NL*, gồm: 1) *NL chung* - là NL cần có của cá nhân để thực hiện các hoạt động cơ bản trong cuộc sống (nhận thức - giao tiếp - hợp tác trong công việc...) đồng thời là NL mà mọi MH trong bất kì chương trình ĐT nào cũng đều có thể mang lại cho SV; 2) *NL chuyên biệt* (cũng có thể xem như là NL chuyên môn - nghiệp vụ) - là NL mà trong phạm vi đặc trưng của nội dung chương trình MH có thể mang lại cho SV.

b) *Tái cấu trúc nội dung chương trình MH dưới dạng các chủ đề học tập (CDHT)*. Nội dung MH hiện nay trong chương trình ĐT thường được cấu trúc gồm các phần, chương, bài, mục... trong đó thể hiện cả nội dung lí thuyết, nội dung thực hành... có mối liên hệ tuyến tính với nhau theo logic nội tại của tri thức khoa học. Để có thể tổ chức giảng dạy, học tập và ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV thì nội dung của MH sẽ được thiết kế theo CDHT nhưng vẫn phải đảm bảo logic khoa học và logic sư phạm.

Ở đây, CDHT được coi như là một đơn vị cơ bản của nội dung MH, gồm các giá trị góp phần tạo cơ hội để PTNL của người học. Mỗi CDHT chứa đựng 4 yếu tố sau: 1) Khối tri thức khoa học cốt lõi (SV phải nắm vững); 2) Khối tri thức có liên quan (qua đó để SV tìm hiểu, nghiên cứu thêm); 3) Mối liên hệ và tác dụng của tri thức khoa học đối với sự thay đổi nhận thức và thái độ của người học (qua đó SV được trải nghiệm hoặc thông qua các hoạt động tương tác liên cá nhân); 4) Mối liên hệ và khả năng vận dụng tri thức vào việc giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn (qua đó SV được rèn luyện kĩ năng thực hành).

c) *Xác định các NVHT của SV tương ứng với*

các CDHT trong MH. Như đã nêu ở trên, trong mỗi CDHT chứa đựng các yếu tố tạo cơ hội PTNL tương ứng ở SV. Do vậy, các NVHT được xem như là những việc làm cụ thể của người học phải thực hiện dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của GV để đạt được mục tiêu NL mà các CDHT trong MH mang lại. Chẳng hạn, nếu coi như một CDHT chứa đựng 4 yếu tố như đã trình bày, thì nhìn chung, các NVHT chủ yếu của SV thường hướng vào: - PTNL nhận thức, tư duy (tương ứng với yếu tố 1 và 2 trong mỗi CDHT) với công việc mà SV phải thực hiện (như học tập trên lớp kết hợp với tự học, tự nghiên cứu ngoài giờ lên lớp...); - PTNL giao tiếp, hợp tác và chia sẻ (tương ứng với yếu tố 3 trong mỗi CDHT) với công việc mà SV phải thực hiện (như tham gia vào các hoạt động trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm...); - PTNL chuyên môn - nghiệp vụ (tương ứng với yếu tố 4 trong mỗi CDHT) với công việc mà SV phải thực hiện (như tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng thực hành...).

d) *Xây dựng kế hoạch dạy học và xác định hình thức tổ chức dạy học (HTTC DH) tương ứng với các CDHT của MH căn cứ trên đặc điểm của các CDHT và các NVHT tương ứng của SV như: giảng dạy và học tập lí thuyết trên lớp; nghiên cứu tự học của SV ở thư viện hoặc ở phòng tự học; thảo luận và làm việc nhóm trên lớp; thực hành kỹ năng qua các hoạt động trải nghiệm/mô phỏng trên lớp; quan sát, thực hành/thí nghiệm trong phòng thực hành thí nghiệm/thực địa,...*

Dù có thể kết hợp sử dụng nhiều HTTC DH khác nhau trong quá trình triển khai các CDHT nhưng giảng viên (GV) cần luôn thể hiện vai trò cố vấn, hướng dẫn, theo dõi, ghi nhận, cũng như ủng hộ, khuyến khích hoặc điều chỉnh chính kịp thời các hoạt động của SV trong quá trình đó.

2) *Tích hợp hoạt động giảng dạy, học tập và ĐGKQHT của SV theo tiến trình dạy học dưới dạng các NVHT.* Trong mô hình AA, các PPDH và học tập hội tụ trong hoạt động của GV và SV thông qua các CDHT cụ thể của MH. Các thông tin về kiểm tra - đánh giá NLTH của SV được theo dõi, ghi nhận và xem xét qua việc thực hiện các NVHT của SV trên các CDHT.

Tùy thuộc vào đặc trưng của mỗi CDHT khác nhau có trong MH mà GV lựa chọn, thiết kế và áp dụng các PPDH cũng như hình thức tổ chức thực hiện các NVHT của SV một cách thích hợp.

Những đặc điểm cơ bản khi thiết kế và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT, bao gồm: 1) Các NVHT có mối liên hệ thích hợp với đời sống thực;

2) Được xác định rõ và SV có khả năng thực hiện được các nhiệm vụ ấy trong hoạt động học tập; 3) Các nhiệm vụ phức hợp, được thực hiện bởi người học, đòi hỏi phải đầu tư đáng kể về thời gian và các nguồn lực trí tuệ; 4) Tạo cơ hội cho SV xem xét giải quyết vấn đề từ các quan điểm khác nhau và được tham khảo/sử dụng từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau; 5) Cung cấp cơ hội và yêu cầu SV thể hiện kỹ năng hợp tác trong học tập; 6) Cho phép SV rèn luyện kỹ năng tự ĐGKQHT của mình trên bình diện cá nhân cũng như ý nghĩa xã hội khi thực hiện các NVHT đó; 7) Được tích hợp và thực thi trên nhiều chủ điểm khác nhau, mang tính liên môn và liên ngành chứ không chỉ bị giới hạn trong phạm vi riêng biệt; 8) Có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động ĐGKQHT; 9) Việc thực hiện các NVHT góp phần tạo ra kết quả học tập bằng chính khả năng thực sự của người học phù hợp với yêu cầu của mục tiêu ĐT; 10) Cho phép SV đưa ra các cách thức giải quyết vấn đề được xem xét cả về tính hiệu quả và tính đa dạng của các giải pháp (7).

Mặt khác, những thông tin lưu trữ làm minh chứng cho việc ĐGKQHT của SV cũng có thể được xem xét qua các hồ sơ học tập (portfolios) của SV, qua các bản tiêu chí đánh giá theo đề mục (rubrics) hay qua các hoạt động trình diễn của người học (performances) (8). Chúng vừa là công cụ ĐGKQHT nhưng cũng đồng thời là sản phẩm minh chứng (evidence) cho sự thể hiện kết quả học tập theo chuẩn NL (competency) của SV.

3) *Sử dụng tiêu chí làm căn cứ đánh giá mức độ SV hoàn thành các NVHT trong MH và định hướng sự thể hiện NL của SV.* Trong mô hình đánh giá xác thực, xét về mặt nguyên tắc, việc xây dựng các tiêu chí đánh giá không hoàn toàn khác biệt với những yêu cầu đặt ra trong khoa học về đo lường và ĐGKQHT hiện có. Tuy nhiên, điểm mấu chốt phản ánh tính ưu việt của các tiêu chí trong đánh giá xác thực là ở khâu vận dụng và sử dụng các tiêu chí này vào việc kết nối hoạt động giảng dạy - học tập và đánh giá kết quả theo định hướng PTNL của SV.

Với mục đích vận dụng và sử dụng các tiêu chí đánh giá trong đánh giá xác thực, tiêu chí đánh giá cần bao quát trong phạm vi rộng của tiến trình dạy học và ĐGKQHT đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: 1) Được xây dựng căn cứ trên mức độ đạt chuẩn NLTH của SV trong học tập, tập trung đo lường khả năng hiểu biết và vận dụng kỹ năng vào việc giải quyết các NVHT có tính thực tế; 2) Các thông tin được thể hiện rõ

trong các CDHT trên cơ sở có sự phổ biến cụ thể, trao đổi thông suốt và thống nhất thực hiện giữa GV và SV trong tiến trình của MH; 3) Không chỉ là công cụ dành cho GV mà còn là thông tin định hướng cần thiết cho SV trong quá trình học tập và tự đánh giá kết quả thực hiện các NVHT theo định hướng PTNL.

Trong thực tế, việc áp dụng các tiêu chí đánh giá này vào giảng dạy và học tập còn phải căn cứ vào mức độ thể hiện NL của SV trong việc thực hiện các NVHT cũng tính chất quan trọng của các CDHT trong MH mà quy định các mức độ cần đạt của người học so với tiêu chí đánh giá. Do đó, trong các tiêu chí đánh giá có quy định rõ SV cần đạt những tiêu chí nào ở mức độ nào theo chuẩn NL.

4) **Kết hợp giữa TA và AA trong QTDHĐH theo định hướng PTNL của SV.** Như trên đã đề cập, TA và AA không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau trong QTDHĐH theo định hướng PTNL của SV. AA có thể dùng các kĩ thuật và dạng thức đánh giá của TA nhưng điểm khác căn bản ở đây là đổi mới về mục tiêu của các phép đo theo chuẩn NL và đổi mới phương thức sử dụng các công cụ đo lường theo hướng tích hợp vào hoạt động giảng dạy cũng như học tập dưới dạng các NVHT mà SV phải hoàn thành. Trong trường hợp này, chẳng hạn «đánh giá quá trình» hay «đánh giá tổng kết» không biến mất trong mô hình AA mà được thiết kế dưới dạng các NVHT bắt buộc đối với SV.

Bên cạnh đó, những công cụ, kĩ thuật đánh giá các khía cạnh khác nhau về kết quả học tập của SV trong mô hình đánh giá truyền thống như: đánh giá kiến thức và kĩ năng của MH; đánh giá khả năng phân tích và tư duy phản biện; đánh giá kĩ năng tổng hợp và tư duy sáng tạo; đánh giá kĩ năng giải quyết vấn đề; đánh giá kĩ năng vận dụng và thể hiện; đánh giá thái độ, giá trị và tự nhận thức của SV; đánh giá kĩ năng học tập và nghiên cứu; đánh giá sự phản hồi của SV đối với hoạt động giảng dạy,... (9) đều được chọn lọc, thiết kế lại, tổng hợp và thể hiện dưới dạng tổ hợp các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành NVHT của SV ứng với những CDHT khác nhau của MH.

Tích hợp hoạt động giảng dạy, học tập và ĐGKQHT của SV thông qua các NVHT theo quan điểm đánh giá xác thực là một trong những hướng đổi mới có căn cứ vững chắc trên nền tảng lí luận sư phạm ĐH và phù hợp với chủ trương đổi mới quản lí giáo dục và nâng cao chất lượng ĐTDH

trong bối cảnh hiện nay. Để có thể hiện thực hóa mục tiêu PTNL của SV trong quá trình dạy học các MH thuộc chương trình ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay cần đến sự đổi mới đồng bộ trên cả phương diện thiết kế đề cương MH, tổ chức giảng dạy, học tập và ĐGKQHT sao cho các hoạt động này thật sự gắn kết lại với nhau và hướng vào sự PTNL của người học. □

(1) Biggs, J.B. **Teaching for Quality Learning at University: What Student Does**, 2nd ed. Buckingham, Society for Research into Higher Education, 2003.

(2) Trần Hữu Hoan - Lê Đức Ngọc. "Chuẩn đầu ra trong giáo dục đại học". Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 55, tháng 4/2010.

(3) www.hids.hochiminhcity.gov.vn/Hoithao/VNHOC/TB14/chinh.pdf

(4), (8). <http://www.elizrosshubbell.com/portfolio/authenticassessment.pdf>

(5) <http://jfmuller.faculty.noctrl.edu/toolbox/tasks.htm>

(6) 2. Leu, DJ & Kinzer, C. **Effective Literacy Instruction**. K-8 (4th ed.). Upper Saddle River, NJ: Merrill/Prentice Hall. Upper Saddle River, NJ: Merrill / Prentice Hall, 1999.

(7) <http://gramconsulting.com/2009/05/designing-authentic-learning-tasks/>

(9) Thomas A. Angelo, K. Patricia Cross. **Classroom Assessment Techniques**. Jossey-Bass Publishers. San Francisco, 1993.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Bá Lâm. **Kiểm tra - đánh giá trong dạy - học đại học**. NXB Giáo dục, H.2003.

2. <http://www.plymouth.ac.uk/files/extranet/docs/EDU/CETT%20Petty.pdf>

3. Xavier Roegiers. **Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường**. NXB Giáo dục, H.1999.

SUMMARY

To provide some pedagogical theories in higher education and basic premise for the renovation of teaching and assessment of learning outcomes-oriented students' competency development according to credit-based training system in the current period, based on analysis of factors in the undergraduate teaching process and relationship of training to the required quality of human resources (reflected by students' competency), this article focuses clarify the main characteristics and advantages of authentic assessment view in generation of education and training and in specific of undergraduate teaching, hereby providing some indicative suggestions for organizing of undergraduate teaching by tasks-based learning under view of authentic assessment.